

TÌNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

QUYỂN THƯỢNG

Chánh truyện có mười chín vị, phụ thêm có mười hai vị.

1. Giang Đông, Thích Tăng Hiền ở đời Tây Tấn.
2. Lộ Sơn, Thích Tuệ Vĩnh ở đời Đông Tấn.
3. Lô Sơn, Thích Tuệ Viễn ở đời Đông Tấn (Có phụ: Phật Đà Gia Xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận)
4. Sơn Âm, Thích Tuệ Kiên ở đời Đông Tấn .
5. Lô Sơn, Thích Tăng Tế ở đời Đông Tấn.
6. Lô Sơn, Thích Tuệ Cung ở đời Đông Tấn (Có phụ: Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan)
7. Lô Sơn Lưu Trình Chi ở đời Đông Tấn.
8. Đông An, Thích Tăng Duệ ở đời Diêu Tần.
9. Giang Lăng, Thích Đàm Giám ở đời Lưu Tống (Phụ: Đạo Hải, Đàm Hoàng, Đạo Quảng, Đạo Quang).
10. Giao Chỉ, Thích Đàm Hoàng ở đời Lưu Tống.
11. Kim Lăng, Ni Pháp Thanh ở đời Lưu Tống.
12. Đôn Dương, Ni Đạo Viện ở đời Lưu Tống.
13. Dương Đô, Thích Tuệ Tấn ở đời Nam Tề.
14. Nghiệp Hạ, Thích Tuệ Quang ở đời Bắc Tề.
15. Linh Kiến Thích Pháp Lâm ở đời Bắc Tề.
16. Linh Thứu Thích Tăng Nhu ở đời Bắc Tề.
17. Bích Cốc Thích Đàm Loan ở đời Hậu Ngụy. (Phụ: Long thọ)
18. Lô Sơn Thích Đạo Trân ở đời Tiên Lương.
19. Hà Dương, Thích Tuệ Mạng đời Hậu Chu (Phụ: Pháp Âm).

1. Thích Tăng Hiển:

Ngài họ Phó người ở Đại Quận. Có chỗ nói là người Nam Thành ở Lâm Xuyên. Tổ tiên nhiều đời làm quan ở Đại, do đó mà nhà ở đấy. Hiển tuổi nhỏ đã bỏ tục dày dạn khổ đau, không giao du với người và việc phù ngụy việc biến đổi của thanh suy cơ xảo vị thí hình chi. Hoặc khi Thiền Định đời đổi nhiều ngày. Cuối thời Tây Tấn, giặc Lưu Diêu tàn phá vùng Kinh Lạc, Hiển bèn ẩn lánh ở Giang Đông mà phóng ý đến các danh sơn nơi ven núi cực hiểm vắng dấu chân người, ông đến đó vào buổi chiều vắng thì được vị Tăng Ấn độ truyền cho bản dịch Kinh mới. Văn kinh dự bị ba việc Tịnh-độ, do đó nguyện thứ lớp vắng sinh chín Phẩm Bền rất mừng bảo rằng: Thân ta trộn lẫn trong các khổ năm Trước ràng buộc, ở đó mà được đây như bay ra khỏi than nóng, bay liệng giữa hư không, ta nghĩ sau này có chỗ về. Do đó Chí thành Tây tưởng cố gắng mãi không biếng lười. Một chiều tháng 9 bị bệnh, lại thấy Phật Vô Lượng Thọ bay trên hư không mà đến, từ trên không có trăm ánh sáng chiếu vào thân. Chiều ấy ông dậy tắm gội, vì người cùng ở và chăm sóc bệnh mà nói điều đã thấy lại nói rõ ràng nhân quả, khuyên nhủ người chưa ngộ rồi thì mất. Chùa bên cạnh có người thấy đài vàng từ Phương Tây hạ xuống, và nghe mùi thơm lạ đầy nhà. Mọi người đều lấy làm lạ.

2. Thích Tuệ Vĩnh:

Ngài họ Phàn người ở Hà Nội. Cuối thời Đời Đông Tấn, Sư thờ Sa môn Trúc Đàm Hiện Kế nghe Pháp sư Đạo An làm phép tắc thời ấy, người ở ngoài ngàn dặm đến học lúc ấy phần lớn là Trung Nguyên nên dân đi bói đều đến Ngũ Đài mà bỏ La Phù. Do đó ông đến Tầm Dương Người ở Quận là Đào Phạm hết lời giữ ông ở lại, bèn đến trú tại Tây Lâm ở Lô Sơn không đổi, các môn đồ rất đông. Viễn Công lại đến ở, nên cùng bàn ở đấy trọn đời. Viễn Công ở đấy suốt ba mươi năm không hề xuống núi. Vĩnh ở Tây Lâm cũng thế. Lại rất tinh nghiêm kinh luật và giảng nói, mặc áo vải ăn rau dưa vui với tuổi già. Từng muốn nhà tâm trống vắng rèn tập Tam-muội bèn lập một thất trên đỉnh núi. Mỗi khi Vĩnh đến có một con hổ đến nằm phục bên thất, người sợ thì đuổi đi, người về thì lại đến. Vĩnh từng đến Ô Kiều, chủ doanh trại Ô Kiều uống rượu say cỡi ngựa chặn đường không cho đi. Lúc đó trời đã xẩm tối, không đường rút lui, Vĩnh cầm gậy chỉ ngựa, ngựa sợ nhảy lên làm chủ té bị thương. Hôm sau đến hạch tội. Vĩnh nói Thần Hộ giới phạt người cuồng dại đối với Vĩnh, bèn xin Sám hối. Vĩnh tánh chân chất tự

nhiên, lời nói không thương tổn người vật, quyết chí ở An Dưỡng. Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười Sư bị bệnh mặc áo liệm, mắt nhìn hướng Tây. Bỗng đòi giày và muốn ngồi dậy, chúng hoài nghi hỏi han thì Sư bảo: Phật đến nên ta ngồi dậy. Nói rồi Sư mất. Đạo-tục kéo đến đều nghe có mùi thơm lạ bảy ngày mới tan.

3. Thích Tuệ Viễn:

Sư họ Cổ, người ở Lô Phiền thuộc Nhạn Môn. Thuở nhỏ theo cậu du học ở Hứa Lạc, lâu thông kinh sử, lại giỏi Lão Trang. Năm hai mươi mốt tuổi muốn đi qua Giang Đông định theo học với Phạm Tuyên Tử, nhưng đường Nam bị nghẽn nên chí không thành. Lúc đó Đạo An ở Thái Hành hoàng đạo nổi tiếng. Viễn nghe liền đến thấy mặt rất kính trọng. Sau nghe Sư An giảng kinh Bát-nhã bỗng được khai ngộ liền bảo: Cửu luận khác của chín dòng đều là vỏ trấu. Rồi cùng mẹ và em là Tuệ Trì đều quy phục. Sư có dáng vẻ nghiêm túc tài giỏi nên Đạo An thường khen “Người làm cho giáo pháp truyền bá ở Đông Độ chính là viễn”. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư giảng kinh ở chùa Đại Thiện có khách hỏi về nghĩa thật tướng, bàn cãi qua lại càng nhiều nghi ngờ, viễn dẫn Lão Trang giải thích, khách bèn hiểu. Từ đó An cho phép Viễn không bỏ ngoại điển. Trong niên hiệu Kiến Nguyên có giặc loạn, Đạo An bị Chu Tự bắt giam, đồ chúng tứ tán. Viễn và Tuệ Trì cùng mấy mươi người đều đến Kinh Châu. Ít lâu sau muốn về Nam đến La Phù, ra Tầm Dương thì thấy Lô Sơn cao vót yên tĩnh có thể dừng chân. Nhưng chỗ ở cách xa nước, viễn bèn động gậy xuống đất bảo: Nếu nơi này ở được thì khiến rã mục thành suối. Nói xong thì suối phun lên. Sau Tầm Dương bị hạn, Viễn ở bên suối đọc Kinh Long Vương thì bỗng có con rắn lớn từ nước bay lên hư không, phút chốc có mưa lớn, do đó gọi là Long Tuyền (Suối Rồng). Lúc đó Sa-môn Tuệ Vĩnh ở Tây Lâm muốn Viễn cùng ở, lại thẹn vì chỗ ở chật hẹp không đủ chứa. Bèn bảo Thứ Sử Hoàn Y, Y bèn lập Đông Lâm để ở. Thuở xưa Đào Khản trấn giữ Quảng Châu, có ngư dân vớt được tượng do Vua A-Dục tạo ra. Tượng này rất kinh lạ, Khản đưa tượng về chùa Hàn Khê ở Võ Xương, chùa cháy nhưng tượng vẫn còn nguyên. Sau Khản đi trấn giữ quận khác sai Sứ đón về nhưng không được. Khi Viễn cất chùa xong cầu nguyện thì tượng tự nhiên đến. Do đó biết Viễn tu chứng nên cảm được điềm lành. Ân Trọng Kham đi Kinh Châu đến Lô Sơn luận đạo với Sư chẳng biết mệt mỏi. Kham nói sự hiểu biết của Sư sâu sắc khó địch nổi. Tư Đồ Vương Mật, Hộ quân Vương Mặc đều khâm phục Phong Đức của Sư, Mật có thư rằng tuổi chưa bốn mươi mà

ai đồng nhĩ thuận há chẳng buồn cho sự rơi rụng ư? Sư đáp: Người xưa không trọng thước ngọc mà chỉ quý tấc bóng, cái còn lại không do năm dài. Vua Tống Võ đuổi giặc Lư Tuấn, các quan tâu Viễn Công trước có giao du mật thiết với Tuấn. Tống Võ bảo Viễn là người tiêu biểu cho đời không có kia đây. Do đó sai sứ đem thư tiền gạo đến tặng. Chúa nhà Tần là Diêu Hưng rất trọng tài đức của Sư, đưa bản Luận Đại Trí mới dịch nhờ Sư đề tựa nhưng viết thư nói rõ rằng: Luận này do Long soạn ra, lại là chỉ quy của Phương Đăng, không có Đại sĩ, ai có thể viết cho lời tựa? Hoàn Huyền phạt tội Trọng Kham đến dưới chân núi, mời Viễn đến Hồ Khê Viễn từ chối. Huyền tự vào núi, người chung quanh Kham rất kính trọng Viễn, xin Ngài chớ trọng. Huyền bảo Trọng Kham sống như người chết khác! Nhưng khi gặp Viễn thì Huyền kính sợ, các nghi nan đều không dám. Lại hỏi việc đánh dẹp thì Viễn không đáp. Huyền gạn hỏi thì đáp việc quân binh chưa học Huyền bảo giờ đang nguyện điều gì? Nguyện cho Đàn-việt được an ổn họ cũng chẳng khác. Huyền xuống núi bảo người chung quanh rằng người này xưa nay chưa gặp. Sau Huyền dùng oai chủ soái ra lệnh cho Sa-môn phải lạy vua. Thượng thư lệnh Hà Sung Phác, Tạ Chử Tường v.v... tấu luận khiến môn hạ vâng chỉ, đang bàn bạc lằng xằng chưa định thì Viễn Công làm luận năm Thiên Sa-môn không lạy Vua dâng lên Huyền, bèn thôi. Khi Huyền thua chạy về Tây, An Đế từ Giang Lăng về Kinh đô. Quan Phụ Quốc Hà Vô Kỵ khuyên Viễn đón Vua thì ông từ bệnh không đi. Vua gửi thư ủy lạo, Viễn đáp tạ. Trần Lưu, Tạ Linh Vận ỷ tài kiêu ngạo nhưng gặp Sư thì rất tâm phục. Viễn công trong thông Phật Giáo, ngoài giỏi sách Nho ở Lô Sơn ba mươi năm không hề xuống núi. Bành Thành có Lưu Di Dân, Dự Chương có Lô Thứ Tông, Nhạn Môn có Chu Tục Chi... đều kính trọng, Nam Dương có Tông Bính, Thanh Hà có Trương Giả đều bỏ đời mà nương Viễn sư. Viễn cùng Di Dân và tăng tục gồm một trăm hai mươi ba người kết làm Tịnh Xã, trước tượng Di-đà cùng thề đến An Dưỡng. Bèn khiến Di Dân soạn văn khắc đá. Lúc đó đời gọi là Liên Xã, Viễn rất trọng việc hoằng Pháp. Mỗi khi nghe Tăng Đồ từ Tây Vực đến thì ân cần hỏi han Đạo Vị. Sa-môn nước Kế-Tân là Tăng già-nan-đề trong niên hiệu Thái Nguyên đến ở Tâm Dương, Viễn Công thỉnh dịch lại Bộ A-tỳ-đàm Tâm và Luận Tam Pháp Độ. Về già nghe ngài La-thập đến Quan Trung bèn đốt hương xa tưởng và viết thư thăm hỏi. La-thập cũng nghe tiếng Sư đã lâu, bèn viết thư giao hảo. Lại gửi cho năm bài kệ. Từ đó Nam Bắc ngàn dặm thư từ thăm hỏi không dứt – tháng tám. Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười hai từ ngày 1 đến

ngày 6 Sư bị bệnh, các bậc cao tuổi thỉnh Sư uống rượu đậu. Sư bảo: Uống rượu trị bệnh văn luật không cho, thỉnh Sư uống nước cháo thì Sư bảo đã quá Ngộ. Lại thỉnh Sư uống mật thì Sư bảo mở luật tìm văn, chưa được nửa quyển thì Sư mất, thọ tám mươi ba tuổi. Đạo Tục đưa tiễn như mây mù. Thái Thú Tầm Dương là Nguyễn Bảo cùng đệ tử là Pháp Tịnh v.v. đào đất ở Sơn Tây mà chôn Sư. Tạ Linh Vận, Tông Bính một thời nổi tiếng là Hiền, truy điệu Sư đặt bài Minh ghi đức. Tăng Tuệ Giáo đời Lương cách Sư hơn trăm năm biết việc đã viết Truyện nói rằng: Xét về Biệt Truyện, Viễn Công đối với Tịnh-độ chuyên tu siêng niệm. Xưa ở Lô Sơn mười một năm lắng tâm buộc tưởng, ba lần thấy Phật mà im lặng không nói, mười chín năm sau, chiều tháng 7, Viễn Công ở Khám Đông bên đài Bát-nhã, từ Định ra thì thấy thân Phật Di-đà đầy khắp hư không, trong viên quang có các Hóa Phật, lại thấy Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước sáng chia thành mười bốn nhánh mỗi nhánh nước phun trên dưới, tự giảng nói Khổ Không, Vô thường-Vô ngã. Phật bảo Viễn rằng: Ta vì bốn nguyện lực đến an ủi ông, bảy ngày sau ông sẽ vãng sinh về nước Ta. Lại thấy Phật đà-da-xá cùng Tuệ Trì, Đàm Thuận ở bên Phật chào Viễn nói: Pháp sư trước chúng tôi sao đến chậm thế? Viễn thấy rõ ràng và sáng suốt không rối loạn. Rồi nói đủ các việc thấy nghe cho đệ tử Pháp Tịnh, Tuệ Bảo v.v... nghe. Nhân đó bảo Tịnh rằng trước đây mười một năm ta đối Tịnh-độ ba lần thấy Phật, nay lại thấy thì ta chắc chắn được sinh Tịnh-độ. Ngày hôm sau Sư bị bệnh, lại nói với Tịnh rằng chỉ trong bảy ngày là chậm. Các ông phải cố gắng chờ để tình thế gian trời cột. Đến hẹn thì mất.

4. Thích Tuệ Kiên:

Sư họ Hoàng Phủ, người ở Hà Sóc. Tinh trì giới luật ý rất bền chắc. Xưa ở Lô Sơn mười năm kẻ đạo người tục đều kính mến. Kiên ở dưới chân núi, Viễn Sư mến nghiệp phong của ông bền bảo với Minh Thắng, Pháp Bảo rằng người ấy là người của ta, đức nghiệp ông ấy tâm ta không bằng mà không hổ thẹn ư? - Sư đến Ngô Hội ở đất Thục hoàng hóa, rồi đến chùa Gia Tường ở Sơn Âm nhóm họp đồ chúng mà dạy dỗ. Lúc đó ngài La-thập truyền dịch Kinh mới, có chỗ chưa giảng thì Kiên lần lượt giảng, rồi bảo chúng rằng ở đời Tượng Mạt mà giảng dạy Di Giáo, nguyện đem chút điều lành nhỏ này kính dâng Phật Di-đà. Sau đó năm năm bị bệnh. Kiên biết đã đến lúc liền bảo: Lên ngồi Sen Vàng trong ao ngọc, hoa nở thấy Phật chính là lúc này. Lại cần cầu Hải chúng là bạn thật vì Pháp. Quán Âm Thế Chí đến đây đã về rồi, không nguyện

nào khác. Đêm ấy ở phía Bắc chùa tại Sơn Âm, có Ni Tịnh Nghiêm nằm ngủ bỗng thấy Quán Âm Thế Chí cùng trăm ngàn chúng từ trên cao xuống cờ phướn lọng báu ánh sáng rực rỡ như mặt trời mặt trăng. Nghiêm thấy vừa lạ vừa chiêm ngưỡng, bèn đến trước hỏi rằng: Thưa Đại Sĩ ngài đi đâu thế? Đáp: Đến Gia Tường đón Kiên. Chiều đó Kiên cũng thấy được thẳng tướng rồi an nhiên mà mất.

5. Thích Tăng Tế:

Không biết Sư là người ở đâu, cạo tóc với Sư nào? Vào thời Tấn An, từng vào Lô Sơn hỏi đạo với Viễn Công. Ông lâu thông kinh sách trong ngoài. Viễn thường bảo: Cùng ta nối thành Đại Pháp là người ấy. Tế do mẫn ngộ nên được Viễn công khen ngợi, phàm các giảng luận đều khâm phục. Khi ông bị bệnh nằm liệt giường muốn dậy mà không ngồi được, ngày thứ ba Viễn giao cho một cây đuốc bảo ông hãy dựa vào đây mà lập tâm An Dưỡng Tế vâng lời cầm đuốc đứng tưởng, lại mời Chư Tăng đến tụng Quán kinh, lần hồi sắp đến canh năm mới trao đuốc cho đệ tử là Nguyên Bặc rồi đi theo Tăng. Chốc lát như sức tỉnh lại cầm đuốc bay trên hư không, được Phật Di-đà duỗi tay tiếp dẫn lại đến khắp mười phương cúng dường chư Phật. Phút chốc tỉnh lại, kể rõ các việc cho Bặc, rồi vui mừng nói: Ta một đêm quán niệm mà được Phật tiếp dẫn, chỉ có Phật Đại Từ ai niệm đều đến. Tối hôm sau lại thấy trên hư không có Hóa Phật và Hóa Bồ-tát chập chờn hiện đến. Sư bảo Bặc: Hóa Phật đã đến ta đi đây, rồi nhìn về hướng Tây một hơi mà mất. Sau khi mất hơn ba tháng vào mùa nắng gắt mà da thịt vẫn không rã mục.

6. Thích Tuệ Cung:

Sư là người ở Phong Thành thuộc Dự Chương. Từ khi vào học Phật ông và ba Pháp sư Tăng Quang-Tuệ Kham-Tuệ Lan là bạn rất thân. Bọn Lan sức học không bằng Cung, còn đối với Tịnh-độ tinh chuyên niệm tưởng nguyện thì Cung không bằng. Bọn Lan có lần gọi bảo anh sức học rộng nhưng đối với Phật đạo thì như kẻ điếc trở nhạc mà mình không nghe được minh thức của bậc Thánh, anh biết được gì? Cung đáp: Thì làm càng vậy, học mà không thông đạt ai như chưa chết, mà mê muội ngu ngậy được ư? Sau bảy năm bọn Lan đều mất. Khi chết đều biết trước ngày giờ. Năm năm sau tức đời Tấn niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một, Cung bị bệnh, trong lúc bệnh nằm nghỉ bọn Lan đã chết, nay bị bệnh khổ không chỗ nương, bèn bảo: Sáu nẻo noi nhau có khi nào dừng mà còn nhiều thêm. Lại nói sinh tử tới lui ta sao về được? Do

đó gục đầu khóc lóc quyết tâm về An Dưỡng. Tuy bị bệnh khổ nhưng niệm vẫn không xen hở. Một hôm mắt thấy Phật Vô Lượng Thọ bừng đài vàng tím đến rước. Cung biết mình nương đài vàng. Ở trong đài phát ra ánh sáng như đồng báu. Lại thấy các vị Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan cùng ở trong ánh sáng vui mừng bảo Trưởng lão thọ thị sinh về Thượng phẩm. Chúng tôi chỉ mong năm Trước được yên mà nương Tịnh-độ dầu muộn. Cung bảo ta biết thân tâm ta không có các đau đớn. Nói xong thì mất.

7. Lưu Trình Chi:

Ông tự là Trọng Tư, người ở Bành Thành là con cháu của Hán Sở Nguyên Vương. Tổ tiên làm quan đời Tấn rất vinh hiển. Trình Chi thuở nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất chí hiếu, tiếng vang khắp nơi. Lại ỷ tài tự phụ không chịu uốn mình theo tục, dầu mình đói lạnh ở trước oai phước mà vẫn y nhiên rộng sáng. Tư Đồ Vương Mật, Thừa Tướng Hoàn Huyền, Thị Trung tạ Côn, Đô Đốc Tạ An, Thái Úy Lưu Dụ đều mến mộ muốn tiến cử nhưng đều từ chối. Ông đến Lô Sơn nương Viễn Công. Viễn công hỏi: Quan Lộc vôi vọi sao chẳng làm? Trình Chi nói Vua quan nghi nhau vạch lá tìm sâu. Tấn thất lại không có cái vững chắc của bàn thạch, vật tình có cái nguy như chất trứng, sao tôi làm được? Viễn nghe nói bảo là Tướng lớn khí dày. Thái Úy Lưu Công cũng vì chí như thế nên không thể dùng sức ép được, bèn bàn nhau lấy hiệu là Di Dân mà tặng. Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tất Dĩnh Chi, Trương Tú Bảo v.v... đều cùng đến nương Viễn Công. Viễn Công nói các ông đến thì phải quên mà dạo chơi Tịnh-độ. Nếu có tâm thì phải cố gắng chớ có chuyện sau này. Trình Chi có văn tạc vào đá để ghi nhớ. Sau ông chăm chăm lo Phật đạo không màng chuyện vinh nhục. Đốc chí mười một năm, năm cuối trong khi niệm Phật thì thấy thân Phật Di-đà màu vàng chiếu sáng thốt. Trình Chi then buồn khóc lóc thưa rằng: Con mong được Như lai xoa đầu, đáp y cho con. Bỗng nhiên Phật xoa đầu và đắp y cà sa cho. Một hôm niệm Phật lại thấy xuống ao lớn bảy báu, hoa sen trong ao xanh trắng xen nhau, nước minh mông không bến bờ. Có một người trên đảnh có vầng ánh sáng tròn ngực có chữ vạn chỉ nước trong ao bảo là nước tám công đức con hãy uống. Trình Chi uống vào thì thấy ngon ngọt. Khi tỉnh dậy thì biết mùi thơm phát ra từ lỗ lông tay. Trình Chi nói duyên Tịnh-độ của ta đã đến, chúng sáu hòa nào cùng ta chứng minh. Lúc đó Tăng ở núi Lô đã tập hội, Trình Chi đối tôn tượng thấp hương kính lễ khẩn rằng: Con nhờ lời dạy của Phật Thích-ca mà biết có

Phật Di-đà, nén hương này trước cúng dường Thích-ca Như lai, kế cúng dường Phật A-di-đà, sau cúng dường Phật và chúng Bồ-tát trong hội Pháp Hoa và đến khắp Phật Bồ-tát ở mười phương, nguyện khiến tất cả hữu tình đều sinh về Tịnh-độ. Nguyện xong vái quỳ mọp mà mất. Mười một ngày sau Viễn Công sắp Trình Chi vào xã và ghi vào truyện.

8. Thích Tăng Duệ:

Ông là người Quán Đào đời Ngụy. Năm mười tám tuổi thờ Tăng Hiền xin làm đệ tử. Đến hai mươi tuổi thì lâu thông kinh Phật cũng thông cả sách Nho. Có lần nghe Tăng Lăng giảng Kinh Phóng Quang nhiều lần đến hỏi, Lăng gọi Hiền bảo: Duệ trí thức hơn người đáng gọi là đệ tử Hiền của Hiền. Duệ vì còn học tập chưa rành Định đủ Tuệ, lại thêm áo vị của Thiền Định phải từng bậc nên bảo: Kinh Pháp tuy ít biết nhân quả, Thiền Pháp chưa truyền không có đất bày tâm. Sau ngài La-thập vào Quan Trung dịch ra Thiền Yếu ba quyển. Duệ có được, ngày đêm tu tập liền thông suốt năm môn giới vào sáu Tịnh. Ngụy Tư Đồ Diêu Tung đức hạnh cao vời, có lần Tần Chúa là Diêu Hưng hỏi Tung: Ông Duệ ra sao Tung đáp: Thật là hạng thông bách của Nghiệp Vệ. Do đó tiếng tốt vang xa. Ngài La-thập dịch Kinh Luận Duệ đều sửa đúng. Sau dịch Luận Thành Thật khiến Duệ giảng. Thập ngó Duệ nói Luận này có 7 chỗ văn phá Tỳ-đàm ở lời có ẩn kín, nếu không hỏi mà hiểu được thì thật là bậc tài giỏi. Sau Duệ giải rõ không cần hỏi La-thập. La-thập khen: Ta truyền dịch mà gặp ông thì ta không còn hận gì. Sau Duệ viết tựa cho Luận Đại Trí, Luận Thập Nhị Môn, Trung Luận v.v..., lại viết tựa cho Đại Tiểu Phẩm Pháp Hoa, Duy-ma và Kinh Tứ Ích đều truyền ở đời. Xưa Duệ giỏi nhiếp oai nghi, rộng khen Kinh Pháp thường hồi hướng các điều lành, nguyện sinh An Dưỡng, nên nằm ngồi tới lui chưa hề quay lưng về hướng Tây. Sau không bệnh mà nhóm họp chư Tăng bảo rằng: Tôi bình sinh giữ nguyện An Dưỡng, như Duệ thấy thì chắc chắn sẽ được sinh, nếu thân miệng ý nghiệp chưa phạm hoặc không phạm thì nguyện thí Đại Từ để làm bạn Pháp. Rồi thiết đãi chư Tăng và ngồi mà mất. Ngày Duệ mất tăng trong chùa đều thấy khói mù năm màu từ phòng Duệ phát ra lượn quanh mấy vòng rồi đi về phía Tây.

9. Thích Đàm Giám:

Ông họ Triệu, người Hạ Bác thuộc Ký Châu. Thuở nhỏ chán tục cầu Thầy với Trúc Đạo Tổ học tập các kinh lâu thông các luận. Luận văn có chỗ chưa thông thì bảo không có đời sau, ta sắp an phụ. Sau

nghe ngài La-thập vào Quan Trung liền chống gậy đến quyết tâm học hỏi “nhất ngưng tam phẩm”. Khi La-thập tịch rồi thì Giám nói chẳng may ngài La-thập vắng bóng không nơi học hỏi. Bèn đến các chùa núi ở Giang Lăng. Lúc đó tuổi già đi đứng rất cẩn thận. Từng nguyện đích thân đến An Dưỡng, tận mắt thấy Di-đà, dầu một mảy may điều lành cũng đều hồi hướng vào đó. Một hôm trong Định thấy Phật Di-đà tay cầm bình vàng rảy nước vào mặt bảo rằng rửa sạch bụi nhơ cho con, khiến trong tâm con, giúp thân miệng con đều nghiêm tịnh. Rồi trong bình mọc lên một hoa sen bèn trao cho Giám. Khi xuất Định, Giám gọi đệ tử là Tuệ Nghiêm bảo rằng: Người có quán niệm Tịnh-độ nên ta không giấu người điều gì, bèn thuật rõ các điều đã thấy. Ba ngày sau đệ tử là Đạo Tế đến từ già mà vãng sinh. Sư bảo: Người chưa thể lên An Dưỡng thoát Ta-Bà, ruỗi rong Nam Bắc, cuối cùng thì ra sao? người nên nghe lời ta, ngày sau sẽ cùng ở với ta. Nếu không thì người sẽ theo nghiệp mà có đời chỗ. Tối ấy Giám và tăng trong chùa nêu ý ngày nào sẽ đi mãi không trở lại. Người nghe không ai hiểu gì đêm ấy ngủ say. Có Sa-di Tăng Nguyện luôn theo hầu bên cạnh, Giám nhìn hỏi đèn đêm hao dầu, ông biết ở đâu chằng? Tăng Nguyện dẫn đi. Giám một mình đi dưới hiên niệm Phật A-di-đà gần suốt năm canh tiếng càng lúc càng lớn, đến sáng bọn nghiêm đến thăm hỏi, Giám vẫn ngồi im, xem ra thì đã mất. Bọn Nghiêm không dùng hai quan quách để liệm. Đến ba tuần mà thi thể vẫn mềm dịu lại có mùi hoa phù dung tỏa ra. Cùng lúc ấy có Thích Đại Hải ở Giang Lăng, Thích Đàm Hoàng ở Hoài Nam, Thích Đạo Quảng ở Đông Hiên, Thích Đạo Quang ở Hoàng Nông đều có tâm cầu An Dưỡng cũng cùng ra đi. Họ đều nói mắt thấy có Đài vàng, lưới báu cùng các chim Tần-già, Cộng Mạng hiện ra.

10. Thích Đàm Hoàng:

Sư là người ở Hoàng Long, có chỗ cho là người ở Cao Bư thuộc Quảng Lăng. Trong niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, đạo chơi phương Nam dừng lại ở chùa Vu Đài tại Phồn Ngu, sau đến chùa Tiên Sơn ở Giao Chỉ, ngoài việc hương lửa không còn việc gì khác, tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh không biết số lượng. Hoàng thường nghĩ rằng một thân muôn mối. Chánh niệm khó giữ vững hãy nương Chánh niệm mà sớm thấy Di-đà. Do đó ở trong núi vắng đã chứa củi để sẵn. Một hôm chui vào đóng củi tự bảo rằng: Nguyện bỏ báu thân này mau gặp Kim Nhan, không ở ba cõi và đọa các Hữu! Do đó đốt lửa, các đệ tử tìm gặp bèn khiêng về chùa. Phần nửa thân bị đốt đã rạn nứt, trải hơn tháng chỗ

lở nứt lại lành. Sáng hôm sau cả làng nghiêm lập Đại hội, cả chùa đều đến. Ngày ấy Hoàng lại vào hang sâu nhóm củi đốt, dân làng chạy đến cứu nhưng Hoàng đã chết. Do đó chất thêm củi đốt ngày sau mới hết. Đệ tử thâu nhặt di cốt được mấy trăm hạt Xá-lợi như đá sáng lấp lánh không nở ra. Ngày hôm sau thấy Hoàng có thân màu vàng rờng cởi nai chạy về phương Tây rất nhanh có người hỏi không đáp. Lại hỏi thì chỉ gơ một ngón tay chỉ về Tây mà thôi. Có người cố gắng đuổi theo, cùng đi rất xa, cuối cùng không kịp.

11. Ni Pháp Thanh:

Bà họ Niếp, người ở Thanh Hà Bối Chi. Cuối đời Đông Tấn ở ẩn tại Kim Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống mới đến chùa Kiến Phước xuất gia. Thông minh tài giỏi do trời. Bèn đến chùa Đạo tràng gặp Pháp sư thọ giới Bồ-tát. Ngày thì đọc sách xem kinh, tối thì lắng suy lý vị, chứa nhóm hằng năm thì thần trí sáng láng, dầu nói tuổi già mà có hơn lúc trẻ, thường muốn vượt khỏi ba cõi bước lên chín phẩm. Do đó phân ra mười sáu pháp quán và làm tám ao để hệ tượng trước. Ngày 27 tháng 9 niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu, bà ở dưới chùa tháp mà lễ tượng Di-đà. Chiều đến bị bệnh, bệnh càng lúc càng nặng hơn, mới nằm ngủ thì thấy Phật Di-đà và 2 vị Bồ-tát ngồi mây nhiều hoa, mây phát ra ánh sáng báu chiếu vào Thanh. Lúc đó các Ni mang dép cỏ đến thăm bệnh thì thấy ánh sáng trong phòng Thanh chói lòa, lấy làm lạ hỏi thì Thanh nói vừa rồi tôi nằm ngủ thấy Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát ở trước tôi, lại chiếu ánh sáng vào tôi, há Phật Từ bi độ tôi ư? Nói xong thì mất. Bấy giờ Trương Biện ở quận Ngô là Thái thú Dự chương, xưa này rất kính trọng mà ghi vào truyện kể.

12. Ni Đạo Viên:

Bà họ Giang, người ở Đan Dương, có kể nói là người ở Đan Đô. Thuở nhỏ rất thông minh. Tự nhiên kinh sách văn sử đều tìm hiểu rộng ra. Sau khi thành tựu giới pháp, nghiên ngẫm ý vị trong ba Tạng, được chỗ cốt yếu. Đời Tần Hiếu võ trong niên hiệu Thái Nguyên, Hoàng hậu khen hạnh cao cả, làm các điều lành đều quy về Chùa, các cô gái con nhà giàu đều tranh nhau giao du với cô. Đời Tống niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 8 cô tạo nhiều tượng Phật để tạo Phước. Ở Bành Thành có hai tượng vàng, ở Chùa Ngõa Quan có tượng Phật Di Lạc đi, ở chùa Kiến Hưng có hai tượng vàng, ở Chùa Kiến Phước có tượng Phật nằm và hai Tượng Phổ Hiền đi. Lại theo tượng có các phướn hoa rất đẹp.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười lăm, lại tạo một tượng Phật Vô Lượng Thọ vàng , nguyện nhờ tượng này mà được tiếp dẫn Tây Phương. Ngày 11 tháng 4 mùa hạ giữa hai đầu chân mày tượng phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu sáng chùa, trong chùa đều biết là màu vàng, trong ánh sáng vàng Phật Vô Lượng Thọ thọ ký cho Viên rằng: Người bỏ báo thân này sẽ về nương ta, nên khéo giữ gìn chớ nghi và khinh thường. Được thọ ký càng vui vẻ tinh tấn. Ngày rằm tháng ấy đến trước tượng ngồi mà hóa.

13. Thích Tuệ Tấn:

Sư họ Diêu, người ở Ô Trình thuộc Ngô Hưng, tánh hùng dũng hào hiệp. Năm bốn mươi tuổi biết thân là mộng huyễn, bèn đến chùa Cao Tòa ở Dương Đô xuất gia. Tấn vì trung niên xuất gia nên không thể hiểu sâu xa viên đốn. Bèn nguyện tụng Kinh Pháp Hoa, trọn đời dụng tâm lao khổ luôn cầm quyển kinh, bị bệnh bèn than: Há nghiệp chướng sâu dày theo lời Như lai dạy mà không thắng nổi ư? Bèn phát nguyện tạo Kinh trăm bộ để sám hối các chướng đời trước, góp tiền được một ngàn sáu trăm đồng, một chiều giặc đến cướp. Tấn không sợ sệt mà chỉ gập mình chấp tay chỉ vào túi tiền và bảo: Đây là tiền Kinh lấy của Đàn-việt, tôi không có. Đám giặc nghe xong xấu hổ bỏ đi. Sau quả in xong trăm bộ kinh, bệnh cũng lành. Tấn hồi hướng công đức để cầu Tịnh-độ, nguyện thâm tâm bền chắc. Bỗng trên hư không có tiếng nói: Người việc đã xong nguyện đã trọn sẽ sinh Tịnh-độ không phải người thì là ai. Tấn thưa tôi không dám mong Thượng phẩm chỉ cầu Hạ phẩm cũng không lui sụt rồi. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ 3 đời Tề, Sư không bệnh mà mất, thọ hơn tám mươi tuổi.

14. Thích Tuệ Quang:

Ông họ Dương, người ở Nghĩa Phong thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi theo Cha đến Lạc Dương thấy Thiền sư Phật-đà kính mến Sư là người có đạo bèn xin thọ ba Quy y. Sư thấy Quang có tướng lạ, có thể gánh vác Chánh Pháp bèn khuyên gắng nên theo Phật Quang bèn thờ Phật đạo khắc kỷ gắng học, ngày nhớ mấy ngàn lời và suy tìm chỗ sâu kín đều do túc ngộ. Có người hỏi han thì Quang chỉ dẫn đều hiểu rõ, mọi người gọi là Thánh Sa-di. Đến khi thọ Đại giới ai nấy đều kính trọng đức độ. Của sư, sư thường mở túi bố thí không vắng ngày nào. Sư có soạn làm Sơ Luật Tứ Phần và các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn Thập Địa... quyền thật đều gồm, người đời đều gọi là Hiền. Như có Tư Mã Bộc Tạ Cao Long khiến con cô của mình vốn học Nho theo hầu.

Nhưng Quang tu hành tinh khổ chưa biết khi nào sinh về nước Phật. Bị bệnh liên sanh tâm rất hổ thẹn, bỗng thấy các vị trời hiện đến. Quang bèn chí thành xin về An Dưỡng. Trong nháy mắt lại thấy Tịnh-độ Hóa Phật và Hóa Bồ-tát đầy khắp hư không. Quang nói: Chỉ có Phật nhiếp thọ mới toại bốn nguyện ta. Lại gọi đệ tử bảo Hóa Phật và Bồ-tát số đông vô kể, ta lại được đáp y, theo sau đầy đủ. Phút chốc thì tiếng nói và hơi thở đều im bật.

15. Thích Pháp Lâm:

Sư họ Lạc, người ở Tấn Nguyên. Cạo tóc ở quận nhà đến học ở quận Thục. Sư thường buồn than ở đất Thục không có thầy. Khi Ấn Công đến thì ông ngày đêm thưa hỏi thầy. Khi Ấn về Thiểm Tây thì Lâm đi theo. Mấy năm sau thì các Bộ Tỳ-Ni đều hiểu rõ Trì Phạm. Lại trở về Thục nghỉ ở chùa Linh Kiến. Tăng Ni ở đất Thục đến thăm rất đông nhưng tâm Sư vẫn đứng đưng. Ngoài Luật bộ ra khi nói bàn đều cầu sinh Cực Lạc. Cho nên sớm tối thường tụng Quán Kinh để cột các niệm Khi tụng thường thấy một Tăng thân rất cao lớn ở bên Lâm, tuy lấy làm lạ nhưng không nói với ai chỉ có đưa hầu là thấy. Đời Tề niên hiệu Kiến Võ năm thứ hai không bao lâu lại thấy một cây báu lớn, dưới cây có ba hoa sen, trên hoa có tượng Phật và hai Bồ-tát. Lâm mừng rỡ nói rằng người tu Tịnh nghiệp mà được thấy tượng báu liền trừ được vô lượng ức kiếp tội nặng, ta là người ấy thì sao? Ta may được thấy chẳng nghĩ đến sen vàng ao ngọc mà chẳng được sinh. Do đó dặn việc chôn cất không nên phí phạm của Tăng, chẳng theo tục lệ xưa này nên theo Tây Trúc làm lễ hỏa táng. Lại bảo tăng đêm nay nghe tiếng chuông thì đến xem tôi. Đến nửa đêm nghe tiếng chuông, Sư bèn đến chiếu ngồi nhắm mắt, Tăng đồ đều nghe theo lời dặn, nơi đầu ngỏ chất củi mà đốt, lửa cháy phừng phừng ba ngày mới hết.

16. Thích Tăng Nhu:

Ông họ Đào, người ở Đan Dương thuộc Nhuận Chi. Chín tuổi học với cha mẹ, tính thông minh tự phát, làng xóm đều khen tài giỏi. Sau gặp Pháp sư Hoàng Xứng bèn theo, Xứng nổi tiếng một thời, học giả kính mến hầu hạ bên mình. Nhân đề phát chỗ học cũ mà các kinh Phương Đẳng đều thấu suốt chỗ sâu kín. Sau đến chùa Linh Thứu ở núi Diễm Bạch. Tăng trong chùa thấy Nhu lấy làm lạ, Nhu nói ta là quỷ thấy vật có gì lạ. Tề Thái Tổ và Thế Tổ Văn Tuyên đều biết tiếng, trước sau chiếu triệu mời đến nhưng Nhu không thân tục chuộng danh, thấy

sự vật thanh suy nên chỉ chuyên tâm Tịnh-độ. Ngày Sư mất, thấy Hóa Phật cả trăm ngàn. Lại nghe trong ngoài phòng có mùi thơm lạ quanh quẩn. Nhu nói mùi thơm lạ đến quanh quẩn bên ta là Thánh Hiền đến rước ta về Tây. Bèn nhờ người trái chiếu hương về Tây chí thành kính lễ rồi mất, thọ sáu mươi bốn tuổi. Chôn toàn thân. Ở phía Nam núi. Sa môn Tăng Hựu giao du tốt với Nhu, gom lấy việc trước sau mà khắc vào đá.

17. Thích Đàm Loan:

Người Nhận Môn, lúc nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được linh dị mà thể xuất tục. Sư rành ba Thừa văn lý Đốn Tiệm. Sư đọc Kinh Đại tập khổ vì lời nghĩa sâu kín. Nhưng sau vẫn khai Ngộ bèn soạn chú giải. Có lần bị bệnh đến Phần Xuyên, bỗng thấy mây che sao Bắc đẩu, cửa trời rộng mở thêm bậc sáu tầng trời cõi Dục trên dưới lớp lớp, sư vừa nháy mắt thì bệnh lành. Sau dụng tâm với Phật đạo thường sợ không kịp lại dạy dỗ kẻ tục không xen hở lúc đầu Loan thích Thuật Học (Tiên Thuật) nghe Giang Nam có Đào Ân Cư được phép tiên sống lâu, bèn ngàn dặm đến học Đào trao cho Kinh Tiên mười quyển. Loan rất mừng được thuật thần tiên. Sau trở về Lạc Dương gặp Bề-đề-lưu-chi bèn hỏi: Đạo Phật có pháp sống hoài chẳng chết chẳng? Chi cười đáp: Sống hoài chẳng chết là Đạo Phật ta, Đạo Tiên nào có? Bèn trao cho Kinh Quán Vô lượng Thọ. Bảo rằng ông tụng kinh này thì ba cõi chẳng sinh, sáu đường chẳng đến, thì sự đầy vơi, còn mất họa phước thành bại không lay động được, sống lâu như kiếp đá, như số cát sông. Số cát sông còn có cùng, tuổi thọ Phật ta thì vô cùng cực. Loan bèn khởi tin sâu, đốt hết kinh Tiên mà chuyên về Quán kinh. Đối với Quán Kinh được lý nghĩa tu ba phước nghiệp quán tượng chín phẩm, mưa nắng không đời bệnh hoạn chẳng bỏ. Ngụy Chúa chuộng chí ông lại thêm tự làm dạy người rộng khắp nên được ban hiệu là Thần Loan, mời trú tại chùa Đại Nghiêm ở Tích Châu. Không bao lâu dời về chùa Huyền Trung ở Bích Cốc, Phần Châu. Một tối, đang khi trì tụng, Loan thấy một vị Tăng Ấn-độ đến, vào thất bảo ta là Long Thọ, nơi ở là Tịnh-độ. Vì ông có tâm Tịnh-độ nên đến gặp. Loan thưa: Có gì dạy con? Sư nói: Việc quá khứ không thể kịp, việc vị lai không thể tìm, việc hiện tại đang ở đâu, ngựa chạy khó trở về. Nói xong biến mất Loan biết là việc Sinh tử đã đến hẹn. Bèn nhóm họp đệ tử mấy trăm người khuyên bảo dạy rằng: Bốn loài thay đổi chẳng ngừng, khổ địa ngục chẳng thể chẳng sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng tu. Do đó sai đệ tử lớn tiếng niệm Phật

A-di-đà, rồi quay mặt về hướng Tây nhắm mắt mà tịch. Lúc đó đạo tục đều nghe tiếng nhạc từ Tây đến rồi đi về Tây. Ngụy Chúa nói đó là chỗ về của Phật tử chân tu, ra sắc chôn ở Văn Cốc Phần Tây, làm bia ghi chép việc lúc sống.

18. Thích Đạo Trân:

Không biết sư họ gì, trong niên hiệu Thiên Giám thời Lương, dừng chân ở ở Lô Sơn. Nghe xưa Viễn Công và Tuệ Trì, Đàm Thuận, v.v... kết tướng Tịnh-độ thì rất kính mến. Nhưng tâm kính mến lúc có lúc không do dự không nhất định. Lúc khác trong mộng thấy trên biển có chiếc thuyền chở mấy mươi người Trân hỏi thì nói đến nước Di-đà. Trân xin theo thì họ không cho, bảo rằng công đức tu một ngày siêu suốt nhiều kiếp, còn Kinh Di-đà ông chưa tụng làm sao đòi đi. Trân trong mộng biết có sai. bèn tìm Kinh sớm chiều tụng niệm suốt hai năm không bỏ giờ. Đêm nọ thấy có người bưng Đài bạc đến nói Pháp sư báo hết thì lên đài này. Lại bảo công đức của Sư đáng được đài vàng nhưng vì tâm ban đầu còn do dự nên được ngân này. Trân khóc lóc tạ rằng: Nếu quả có thể vượt khỏi ba cõi tránh được năm khổ thì chính là Trân, nhưng cơ thấy Phật dù chậm thì vẫn là Đài vàng. Trân ít nói nhưng nhiều chê bai, dầu được đầy nhưng chưa từng thương xót người. Người cũng không biết chỉ Trân tự ghi mấy trăm chữ giấu trong rương kính ở bên tòa ngồi. Đêm Trân mất thì trên núi có hằng ngàn ngọn đuốc sáng ngời. Dân làng hơn mấy trăm nhà đều thấy vô cùng quái lạ. Sáng hôm sau mới biết đó là điềm lành báo hiệu Trân vãng sinh. Ngày nọ mở rương kính của Trân ra mới được các điều Trân đã ghi, bèn phổ biến rộng ra.

19. Thích Tuệ Mạng:

Sư họ Quách, niên hiệu Đại Thông năm thứ hai đời Lương sinh ra ở Trường Sa tại Tương Châu. Rồi xuất gia. Người hiểu biết cho là Mạng cuối cùng sẽ vào Nhà Như lai. Năm mười lăm tuổi tụng bảy ngày hết một bộ kinh Pháp Hoa. Các văn khác tụng cũng thế. Khi cạo tóc học với Sư Vô Thường, nghe Thiên sư Ân Quang liền đến học do tư chất thông minh nên chưa đầy ba năm mà đã thông suốt Thiên Yếu. Lại giao hữu thân thiết với Thiên sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc. Thường bảo Tư rằng ta và ông gieo nhân Tịnh nghiệp chính là hẹn xa với Tây Phương. Tư nói ý chăm chăm nào dám quên. Ở núi Thiên Thành có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, có tâm phẫn chánh định ở Chùa Sung Kiến. Bỗng nhiên Thọ mộng thấy có mấy trăm người mặc áo giáp vàng canh gác nghiêm trang như

đợi ai. Thọ nói Chắc có Di nhân nào đến, nếu không sao ta mộng thấy trước. Quả nhiên hôm sau thì Mạng đến. Thọ bèn tin sâu mà bỏ chỗ ở ấy. Không bao lâu Mạng bảo: Chùa mới cất còn cần nhiều Kinh sách, ta nên bỏ Thiền quán mà cật tâm ở đây chăng? Bèn cùng đồ chúng trở về rừng cũ ở Trường Sa. Lúc đó, Thiền sư Pháp Âm là người cùng quận, họ Vương kết bạn Tịnh-độ với Mạng tuổi già càng thêm thân thiết. Một đêm nọ, Mạng dắt tay Âm ở dưới trăng nhìn nhau cười bảo rằng: Thời đến mà chẳng đi thì gọi là ham sống, đáng đi mà không đi thì gọi là Cầu dục, thì ta đi đây. Âm nói biết nhau sao chẳng đợi ta mười ngày ư? Mạng đưa hai ngón tay lên bảo nếu qua đây thì không kịp nữa. Sáng hôm sau quả nhiên Mạng bị bệnh, còn lại một ngày thì mất. Ngày ông mất là ngày 05 tháng 10 năm niên hiệu Thiên Hòa năm thứ 3 đời chu. Ngày ấy mọi người đều thấy có người trên cõi trời xuống có nhiều cờ phướn. Lại nghe trong Phòng có tiếng nói lành thay! Lại nghe có tiếng nhạc và mùi thơm lạ lâu ngày không tan. Sau mười ngày thì Âm cũng mất, các điềm lành cũng tương tự.

